

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1243/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 863/2021/TLST-HNGĐ Ngày 25 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tống Thị Kim C, sinh năm X; địa chỉ: Số T Đường số Y, Phường B, quận G, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm Y; địa chỉ: Số U đường L, Phường A, quận G, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tống Thị Kim C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H kết hôn lần thứ nhất năm 2000, đến năm 2015 thì ông bà ly hôn. Năm 2017, bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số R, ngày X/Y/Z. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

ông H thường xuyên nhậu nhẹt, sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2020, bà và ông H đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Tổng Khánh L, sinh ngày L/M/N (đã trưởng thành)

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn là ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị Kim C quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C và ông H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số R, ngày X/Y/Z của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H .

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Bà C cho rằng cuộc sống chung giữa bà và ông H có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà C nhưng căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông H đã nhiều lần trực tiếp nhận được các văn bản của Tòa án nhưng ông H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà C, cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử để tìm cách giải quyết, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, Hội liên hiệp phụ nữ Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận bà C và ông H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông H là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Tổng Khánh L, sinh ngày L/M/N. (Đã trưởng thành)

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Bà C, ông H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tổng Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H .

Giấy chứng nhận kết hôn số R, ngày X/Y/Z của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H hết hiệu lực.

- Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Tổng Khánh L, sinh ngày L/M/N (Đã trưởng thành) .

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tổng Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Tổng Thị Kim C đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0047198 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Tổng Thị Kim C đã đóng đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung

